



Perfecting the Air
KHÔNG KHÍ LÝ TƯỞNG MỌI KHÔNG GIAN



Điều hòa treo tường 2025



DAIKIN Website



E-Catalogue

Perfecting the Air

KHÔNG KHÍ LÝ TƯỜNG MỌI KHÔNG GIAN

Không khí là yếu tố thiết yếu, gắn liền với sự sống và hiện hữu ở khắp mọi nơi trên hành tinh này. Daikin – chuyên gia không khí hàng đầu Nhật Bản, luôn thấu hiểu tầm quan trọng của không khí nơi bạn đang hít thở mỗi ngày. Chúng tôi không ngừng khai mở tiềm năng vô hạn của không khí, tạo ra “Không Khí Lý Tường Mọi Không Gian”.

Tại Việt Nam, nơi có sự đa dạng về khí hậu ở mọi miền đất nước, Daikin linh hoạt tạo ra nguồn không khí lý tưởng để thích nghi với từng địa phương và tập trung cải thiện chất lượng cuộc sống của người Việt.

Dù bạn ở bất kỳ đâu trên mảnh đất hình chữ S, Daikin đều mang đến nguồn không khí chất lượng, lý tưởng cho giấc ngủ ngon, cho những phút giây sum họp, hay tập trung làm việc, học tập. Dù là trong không gian ẩm cúng phòng ngủ hay rộng rãi văn phòng, nơi nào có Daikin, nơi đó đều đáng sống.

“Perfecting the Air” cũng thể hiện cam kết sâu sắc của Daikin với môi trường – nơi trao cho chúng tôi tài nguyên không khí vô giá để nghiên cứu và phát triển. Đó là lý do thôi thúc chúng tôi góp phần tích cực để giảm thiểu tác động của con người lên hành tinh, và nỗ lực mang đến không khí trong lành thoải mái cho mọi người.

Cuối cùng, đó là sứ mệnh của Daikin nhằm kiến tạo một tương lai tươi sáng cho tất cả chúng ta.



Thổi hồn Không gian sống

Với hơn 100 năm kinh nghiệm trong việc cung cấp các giải pháp điều hòa và kiểm soát chất lượng không khí trong nhà, điều hòa không khí mới của Daikin mang đến sự kết hợp hoàn hảo giữa thiết kế và công nghệ. Sản phẩm mang đến vẻ đẹp thông minh, nâng tầm không gian nội thất, đem đến sự thoải mái tối ưu cho ngôi nhà của bạn.

ĐƯỜNG CONG THANH LỊCH, MÀU SẮC TINH TẾ

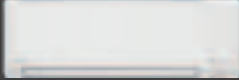
Thiết kế đường cong mềm mại ở cạnh bên và mặt hông màu xám, kết hợp với viền miệng gió cùng tông màu, tạo nên vẻ ngoài thanh lịch và hiện đại, làm nổi bật sự sống động của chiếc điều hòa ngay trong không gian sống của bạn. Bề mặt chính màu trắng matte làm tăng thêm sự trang trọng, mang đến cảm giác dễ chịu cho người sử dụng.

NÂNG TẦM KHÔNG GIAN SỐNG

Thiết kế mới của Daikin là sự bổ sung hoàn hảo cho không gian nội thất hiện đại. Sự hòa hợp giữa các đường nét mềm mại và màu sắc trung tính giúp điều hòa dễ dàng hòa quyện vào mọi phong cách trang trí, trở thành điểm nhấn tinh tế và cao cấp trong ngôi nhà của bạn.



Dãy sản phẩm

Dãy công suất			Inverter cao cấp	Inverter tiêu chuẩn với Streamer	Inverter tiêu chuẩn
			FTKY Series	FTKF Series	FTKB Series
HP	Btu	kWh			
1	9,000	2.5	FTKY25ZVMV	FTKF25ZVMV	FTKB25ZVMV
1.5	12,000	3.5	FTKY35ZVMV	FTKF35ZVMV	FTKB35ZVMV
2	18,000	5.0	FTKY50ZVMV	FTKF50ZVMV	FTKB50ZVMV
2.5	21,000	6.0	FTKY60ZVMV	FTKF60ZVMV	FTKB60ZVMV
3	24,000	7.1	FTKY71ZVMV	FTKF71ZVMV	

Tính năng nổi bật

Tiết kiệm điện	Có	Có	Có
Kiểm soát độ ẩm		Humi comfort MỚI	Humi comfort MỚI
Công nghệ lọc khí	Streamer	Streamer	
Phin lọc	Enzyme Blue PM2.5	Enzyme Blue PM2.5 (FTKF 50/60/71)	Enzyme Blue PM2.5 (tùy chọn)
Chống ẩm mốc	Mold Proof với Streamer	Mold Proof với Streamer	Mold Proof
Làm lạnh nhanh	Powerful + Humidity sensor	Powerful MỚI	Powerful MỚI
Kết nối wifi	Có MỚI	Có MỚI	Tùy chọn
Mắt thần thông minh	Có		
Luồng gió	Luồng gió 3D + Comfort	Luồng gió 3D + Comfort	Luồng gió Comfort
Vận hành êm ái (1HP)	Dàn lạnh: Từ 18 dBA Dàn nóng: Từ 42 dBA	Dàn lạnh: Từ 19 dBA Dàn nóng: Từ 40 dBA*	Dàn lạnh: Từ 19 dBA Dàn nóng: Từ 40 dBA*
Cánh tản nhiệt chống ăn mòn	Có	Có	Có
Super PCB bảo vệ bo mạch	Có	Có	Có
Chống thần lười	Có	Có	Có

(*) Âm thanh vận hành đạt mức thấp nhất của chế độ Rất thấp khi máy hoạt động ở mức công suất tối thiểu



HUMI COMFORT

Kiểm soát độ ẩm ở mức lý tưởng 65%*

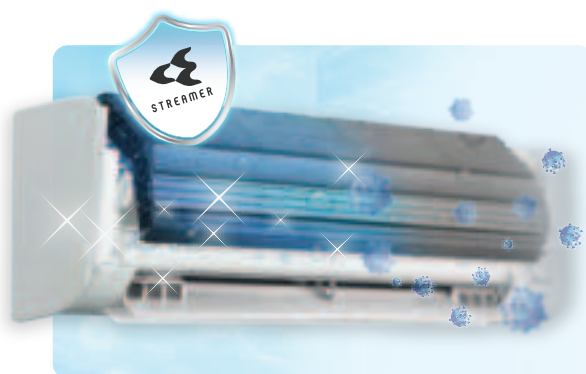
Tạm biệt cảm giác khô họng, khô da khi dùng điều hòa không khí trong nhiều giờ.

Thoải mái tối đa chỉ với một nút bấm!

CHỐNG ẨM MỐC VỚI STREAMER

Bảo vệ sức khỏe, xua tan mùi hôi

Loại bỏ hơi ẩm còn lại bên trong dàn lạnh sau khi tắt máy, ngăn sự phát triển của nấm mốc và mùi hôi.



CÔNG NGHỆ STREAMER

Tinh lọc không khí

Bảo vệ sức khỏe của bạn với khả năng lọc khí tối ưu, giúp loại bỏ vi khuẩn, vi-rút và phấn hoa cũng như khử mùi hôi trong phòng.

LÀM LẠNH NHANH THỂ HỆ MỚI

Lạnh nhanh tức thì, sáng khoái dài lâu

Đập tan cơn nóng một cách nhanh chóng với chế độ Powerful, cho bạn sáng khoái tức thì ngay khi về nhà hoặc sum họp đại gia đình.



ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH D-MOBILE

Mọi lúc mọi nơi

Trải nghiệm sự tiện lợi của điều khiển từ xa bằng app Daikin Mobile Controller, lập lịch hàng tuần và điều khiển bằng giọng nói.



TIẾT KIỆM ĐIỆN VƯỢT TRỘI CSPF LÊN ĐẾN 7.6**

Nhẹ gánh tiền nong

Điều hòa Daikin Inverter trang bị máy nén Swing.

Chỉ số tiết kiệm điện CSPF thuộc hàng cao nhất thị trường.

Điện năng tiêu thụ mỗi đêm chỉ từ 0.83kWh trong 8 tiếng***.

* 65%RH là mức độ ẩm mục tiêu, giá trị này có thể thay đổi tùy vào các yếu tố môi trường và điều kiện vận hành thực tế.

** Model FTXM25

*** Thử nghiệm bởi Quatest 3 với model FTKB25YVMV

Kết quả thử nghiệm này không phản ánh điều kiện vận hành trong thực tế

Inverter cao cấp

FTKY series

Tươi mát, thoải mái tối đa

Trang bị công nghệ tinh lọc không khí Streamer kết hợp cảm biến độ ẩm thông minh, dòng FTKY không chỉ mang lại cảm giác mát mẻ mà còn trong lành, sạch khuẩn.



Chống ẩm mốc với công nghệ Streamer

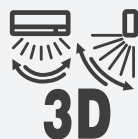
Ức chế vi khuẩn, ngăn sự phát triển của nấm mốc và mùi hôi nhờ loại bỏ những hơi ẩm còn sót lại bên trong dàn lạnh sau khi tắt máy.

★★★★★
CSPF LÊN ĐẾN
6.28



Mắt thần thông minh

Sử dụng tia hồng ngoại có khả năng cảm nhận nhiệt độ và chuyển động của người trong phòng để tự động điều chỉnh tăng nhiệt độ 2°C khi không có người trong phòng giúp tiết kiệm điện.



Luồng gió 3D

Tận hưởng luồng gió mát đều khắp phòng với cánh đảo gió lên-xuống, trái-phải.



Điều khiển thông minh D-Mobile

Trải nghiệm sự tiện lợi, dễ dàng lập lịch hàng tuần và điều khiển bằng giọng nói với ứng dụng D-Mobile.

Thông số kỹ thuật

Dãy công suất			1 HP	1.5 HP	2 HP	2.5 HP	3 HP
Công suất danh định (tối thiểu - tối đa)		kW	2.70 (1.0 - 3.2)	3.5 (1.2 - 4.1)	5.2 (1.2 - 6.0)	6.0 (1.2 - 6.7)	7.1 (1.2 - 7.5)
		Btu/h	9,200 (3,400 - 10,900)	11,900 (4,100 - 14,000)	17,700 (4,100 - 20,500)	20,500 (4,100 - 22,900)	24,200 (4,100 - 25,600)
Nguồn điện			1 pha, 220-240V, 50Hz / 220-230V, 60 Hz Cấp nguồn dàn nóng				
Dòng điện hoạt động định mức		A	3.4	4.7	6.9	8.2	10.3
Điện năng tiêu thụ (tối thiểu - tối đa)		W	700 (130 - 1,020)	1,000 (160-1,440)	1,480 (210 - 2,000)	1,740 (220 - 1,950)	2,140 (220 - 2,600)
CSPF			6.28	6.19	6.05	6.23	5.9
DÀN LẠNH			FTKY25ZVMV	FTKY35ZVMV	FTKY50ZVMV	FTKY60ZVMV	FTKY71ZVMV
Màu mặt nạ			Trắng				
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	11.5	11.3	16.3	19.9	20.3
	Trung bình		9.9	9.3	12.9	15.9	16.7
	Thấp		6.8	6.5	10.5	12.6	12.6
	Yên tĩnh		4.9	4.5	7.9	8.9	9.9
Tốc độ quạt			5 cấp, yên tĩnh và tự động				
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Yên tĩnh)		dB(A)	38 / 33 / 25 / 18	39 / 34 / 26 / 19	44 / 37 / 32 / 25	45 / 40 / 35 / 27	46 / 42 / 36 / 29
Kích thước (C x R x D)		mm	300 x 838 x 240		300 x 920 x 240	300 x 1,100 x 240	
Khối lượng		kg	11		13	15	
DÀN NÓNG			RKY25ZVMV	RKY35ZVMV	RKY50ZVMV	RKY60ZVMV	RKY71ZVMV
Màu vỏ máy			Trắng ngà				
Máy nén	Loại		Máy nén Swing dạng kín				
	Công suất đầu ra	W	500	650	1,100	1,100	
Môi chất lạnh	Loại		R-32				
	Khối lượng nạp	kg	0.46	0.7	0.57	0.6	0.6
Độ ồn		dB(A)	46 / 42	47 / 43	47 / 43	49 / 45	50 / 46
Kích thước (C x R x D)		mm	550 x 675 x 284		595 x 845 x 300	595 x 845 x 300	
Khối lượng		kg	22	25	34	36	
Kết nối ống	Lồng	mm	Φ 6.4		Φ 6.4		
	Hơi		Φ 9.5		Φ 12.7		
	Nước xả		Φ 16		Φ 16		
Chiều dài tối đa		m	15		30		
Chênh lệch độ cao tối đa			12		20		
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 - 46		19.4 - 46		

Điều kiện đo lường:
1. Công suất lạnh dựa trên: nhiệt độ trong nhà 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB chiều dài ống 7.5m
2. Độ ồn dựa trên điều kiện 1 về nhiệt độ ở trên, là giá trị chuyển đổi không dội âm.
Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
3. CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2021

Inverter tiêu chuẩn với Streamer

FTKF series

Mát lạnh cùng thiết kế hoàn toàn mới

Sự kết hợp hoàn hảo giữa thiết kế tinh tế và công nghệ tiên tiến mang đến cho bạn trải nghiệm mát lạnh, thoải mái với dòng điều hòa FTKF.



Chế độ Làm lạnh nhanh thế hệ mới
Lạnh nhanh tức thì, sáng khoái dài lâu
Đập tan cơn nóng một cách nhanh chóng với chế độ Powerful, cho bạn sáng khoái tức thì ngay khi về nhà hoặc sum họp đại gia đình.

★★★★★
CSPF LÊN ĐẾN
5.40



HUMI COMFORT

Kiểm soát độ ẩm ở mức lý tưởng 65%*
Cho bạn cảm giác thoải mái, dễ chịu tức thì, ngăn chặn tình trạng mất ẩm, khô họng, khô da sau nhiều giờ ở trong phòng điều hòa.

 **Chống ẩm mốc với công nghệ Streamer**
Ức chế vi khuẩn, ngăn sự phát triển của nấm mốc và mùi hôi nhờ loại bỏ những hơi ẩm còn sót lại bên trong dàn lạnh sau khi tắt máy.

 **Điều khiển thông minh D-Mobile**
Trải nghiệm sự tiện lợi, dễ dàng lập lịch hàng tuần và điều khiển bằng giọng nói với ứng dụng D-Mobile.

 **Luồng gió 3D**
Tận hưởng luồng gió mát đều khắp phòng với cánh đảo gió lên-xuống, trái-phải.

* 65%RH là mức độ ẩm mục tiêu, giá trị này có thể thay đổi tùy vào các yếu tố môi trường và điều kiện vận hành thực tế. Theo khuyến cáo của TCVN 5687:2024, độ ẩm thoải mái trong nhà nằm trong khoảng từ 60% - 70%.

Thông số kỹ thuật

Dây công suất			1 HP	1.5 HP	2 HP	2.5 HP	3.0 HP	
Công suất danh định (tối thiểu - tối đa)		kW	2.7 (0.7 - 2.9)	3.6 (0.7 - 3.8)	5.3 (1.1 - 5.4)	6.0 (1.1 - 6.0)	7.1 (1.1 - 7.5)	
		Btu/h	9,200 (2,400 - 9,900)	12,300 (2,400 - 13,000)	18,100 (3,800 - 18,400)	20,500 (3,800 - 20,500)	24,200 (3,800 - 25,600)	
Nguồn điện			1 pha, 220V - 240V / 50Hz, 220 - 230V / 60Hz (Cấp nguồn dàn nóng hoặc dàn lạnh)					
Dòng điện hoạt động định mức		A	4.4	5.7	8.7	9.7		
Điện năng tiêu thụ (tối thiểu - tối đa)		W	930 (120 - 1,100)	1,240 (130 - 1,460)	1,850 (200 - 1,950)	2,060 (215 - 2,100)	2,230	
CSPF			5.38	5.40	5.20	5.25	5.90	
DÀN LẠNH			FTKF25ZVMV	FTKF35ZVMV	FTKF50ZVMV	FTKF60ZVMV	FTKF71ZVMV	
Màu mặt nạ			Trắng sáng					
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	10.0	10.8	13.0	14.1		
	Trung bình		8.5	8.9	10.6	12.1		
	Thấp		7.1	7.1	8.6	9.8		
	Yên tĩnh		4.8	5.5	6.5	7.4		
Tốc độ quạt			5 bước, êm và tự động					
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Yên tĩnh)		dB(A)	36 / 32 / 27 / 19	37 / 33 / 28 / 20	44 / 40 / 35 / 25	45 / 42 / 37 / 27	45 / 42 / 37 / 27	
Kích thước (C x R x D)		mm	291 x 775 x 242					298 x 990 x 282
Khối lượng		kg	9					14
DÀN NÓNG			RKF25ZVMV	RKF35ZVMV	RKF50ZVMV	RKF60ZVMV	RKF71ZVMV	
Màu vỏ máy			Trắng ngà					
Máy nén	Loại		Máy nén Swing loại kín					
	Công suất đầu ra	W	520	520	1,100	1,100		
Môi chất lạnh	Loại		R-32					
	Khối lượng nạp	kg	0.41	0.49	0.78	0.53	0.48	
Độ ồn		dB(A)	46 / 40*	47 / 40*	49 / 43*	51 / 44*	52 / 45*	
Kích thước (C x R x D)		mm	418 x 695 x 244	550 x 675 x 284		595 x 845 x 300	595 x 845 x 300	
Khối lượng		kg	19	24	27	35	36	
Kết nối ống	Lồng	mm	Φ 6.4			Φ 6.4		
	Hơi		Φ 9.5		Φ 12.7			
	Nước xả		Φ 16			Φ 16		
Chiều dài tối đa		m	15			30		
Chênh lệch độ cao tối đa			12			20		
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 - 46			19.4 - 46		

Điều kiện đo lường:
1. Công suất lạnh dựa trên: nhiệt độ trong nhà 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB chiều dài ống 7.5m
2. Độ ồn dựa trên điều kiện 1 về nhiệt độ ở trên, là giá trị chuyển đổi không đổi âm.
Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
3. CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2021

(*) Âm thanh vận hành đạt mức thấp nhất của chế độ Rất thấp khi máy hoạt động ở mức công suất tối thiểu.
Thông số này được cập nhật vào 10/2024, có thể thay đổi mà không thông báo trước.

Inverter tiêu chuẩn

FTKB series

Thoải mái tiện lợi, thiết kế tinh tế

Nâng cấp không gian sống của bạn với thiết kế tinh tế. Mang đến trải nghiệm thoải mái hơn bao giờ hết với khả năng làm lạnh nhanh gấp 2 lần, hoạt động êm ái và tiết kiệm điện năng chưa bao giờ dễ dàng đến thế.



Chế độ Làm lạnh nhanh thế hệ mới
Lạnh nhanh tức thì, sáng khoái dài lâu
Đập tan cơn nóng một cách nhanh chóng với chế độ Powerful, cho bạn sáng khoái tức thì ngay khi về nhà hoặc sum họp đại gia đình.

★★★★★
CSPF LÊN ĐẾN
5.40



HUMI COMFORT

Kiểm soát độ ẩm ở mức lý tưởng 65%*
Cho bạn cảm giác thoải mái, dễ chịu tức thì, ngăn chặn tình trạng mất ẩm, khô họng, khô da sau nhiều giờ ở trong phòng điều hòa.

INVERTER

Tiết kiệm điện vượt trội
Tiết kiệm hóa đơn tiền điện với điều hòa Daikin Inverter trang bị máy nén Swing. **Tiêu thụ điện chỉ từ 0.83 kWh/mỗi 8 tiếng**.**

C

Chống ẩm mốc
Loại bỏ những hơi ẩm còn lại bên trong dàn lạnh sau khi tắt máy, ngăn sự phát triển của nấm mốc và mùi hôi.

Chỉ từ 19 dB(A)

Âm thanh vận hành êm ái
Chỉ từ 19dB(A) nhẹ nhàng như tiếng lá rơi.

* 65%RH là mức độ ẩm mục tiêu, giá trị này có thể thay đổi tùy vào các yếu tố môi trường và điều kiện vận hành thực tế. Theo khuyến cáo của TCVN 5687:2024, độ ẩm thoải mái trong nhà nằm trong khoảng từ 60% - 70%.

** Thử nghiệm bởi Quatest 3 với model FTKB25YVMV. Kết quả thử nghiệm này không phản ánh điều kiện vận hành trong thực tế.

Thông số kỹ thuật

Dây công suất			1 HP	1.5 HP	2 HP	2.5 HP
Công suất danh định (tối thiểu - tối đa)		kW	2.7 (0.7 - 2.9)	3.6 (0.7 - 3.8)	5.3 (1.1 - 5.4)	6.0 (1.1 - 6.0)
		Btu/h	9,200 (2,400 - 9,900)	12,300 (2,400 - 13,000)	18,100 (3,800 - 18,400)	20,500 (3,800 - 20,500)
Nguồn điện			1 pha, 220V - 240V / 50Hz, 220 - 230V / 60Hz (Cấp nguồn dàn nóng hoặc dàn lạnh)			
Dòng điện hoạt động định mức		A	4.4	5.8	8.7	9.7
Điện năng tiêu thụ (tối thiểu - tối đa)		W	930 (120 - 1,100)	1,240 (130 - 1,460)	1,850 (200 - 1,950)	2,060 (215 - 2,100)
CSPF			5.38	5.40	5.20	5.25
DÀN LẠNH			FTKB25ZVMV	FTKB35ZVMV	FTKB50ZVMV	FTKB60ZVMV
Màu mặt nạ			Trắng sáng			
Lưu lượng gió	Cao	m ³ /phút	9.9	10.7	12.9	14.2
	Trung bình		8.4	8.8	10.6	12.1
	Thấp		7.1	7.1	8.6	9.8
	Yên tĩnh		4.8	5.5	6.5	7.4
Tốc độ quạt			5 bước, êm và tự động			
Độ ồn (Cao/Trung bình/Thấp/Yên tĩnh)		dB(A)	36 / 32 / 27 / 19	37 / 33 / 28 / 20	44 / 40 / 35 / 25	45 / 42 / 37 / 27
Kích thước (C x R x D)		mm	291 x 775 x 242			
Khối lượng		kg	9			
DÀN NÓNG			RKB25ZVMV	RKB35ZVMV	RKB50ZVMV	RKB60ZVMV
Màu vỏ máy			Trắng ngà			
Máy nén	Loại		Máy nén Swing loại kín			
	Công suất đầu ra	W	520	520	1,100	1,100
Môi chất lạnh	Loại		R-32	R-32	R-32	R-32
	Khối lượng nạp	kg	0.41	0.49	0.78	0.53
Độ ồn		dB(A)	46 / 40*	47 / 40*	49 / 43*	51 / 44*
Kích thước (C x R x D)		mm	418 x 695 x 244	550 x 675 x 284	550 x 675 x 284	595 x 845 x 300
Khối lượng		kg	19	24	27	35
Kết nối ống	Lồng	mm	Φ 6.4		Φ 6.4	
	Hơi		Φ 9.5		Φ 12.7	
	Nước xả		Φ 16		Φ 16	
Chiều dài tối đa		m	15		30	
Chênh lệch độ cao tối đa			12		20	
Giới hạn hoạt động		°CDB	19.4 - 46		19.4 - 46	

Điều kiện đo lường:

- Công suất lạnh dựa trên: nhiệt độ trong nhà 27°CDB, 19°CWB; nhiệt độ ngoài trời 35°CDB, 24°CWB chiều dài ống 7.5m
- Độ ồn dựa trên điều kiện 1 về nhiệt độ ở trên, là giá trị chuyển đổi không đổi âm.
Độ ồn thực tế đo được thông thường cao hơn các giá trị này do ảnh hưởng của điều kiện môi trường xung quanh.
- CSPF dựa trên tiêu chuẩn TCVN 7830: 2021

(*) Âm thanh vận hành đạt mức thấp nhất của chế độ Rất thấp khi máy hoạt động ở mức công suất tối thiểu.
Thông số này được cập nhật vào 10/2024, có thể thay đổi mà không thông báo trước.

16 TRUNG TÂM DỊCH VỤ VÀ TRẠM DỊCH VỤ

QUẢNG NINH

Ô 40, Lô B5 Quy hoạch khu dân cư lấn biển Vụng Đảng, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

BẮC NINH

BT2-7, Đường Kinh Bắc 83, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

HÀ NỘI - HOÀNG MAI

Lô 01 - 8B, Cụm Tiểu Thủ Công Nghiệp Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

HÀ NỘI - BẮC TỪ LIÊM

Lô CN3, Cụm Công Nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Đường Phú Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

HẢI PHÒNG

Số 7, Lô 8A, Đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

NGHỆ AN

Số 175, Đường Nguyễn Trường Tộ, P. Đông Vinh, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

HUẾ

Số 226 Phan Chu Trinh, Phường Phước Vĩnh, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

ĐÀ NẴNG

Tầng 12, Số 02 Đường 30 Tháng 4, Phường Hoà Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

BÌNH ĐỊNH

Số 12, Lê Thánh Tôn, Phường Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

KHÁNH HÒA

Tầng 8, Tòa nhà VCN Tower, Số 2 đường Tổ Hữu, Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÀ RỊA

25 - 27 Nguyễn Thanh Đăng, Phường Phước Hiệp, TP. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

BÌNH DƯƠNG

612 Đại Lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

TP. HỒ CHÍ MINH Q. BÌNH THẠNH

Tầng 6, Tòa nhà K&M, Số 33 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh,

TP. HỒ CHÍ MINH Q. TÂN PHÚ

103 Nguyễn Sơn, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú,

CẦN THƠ

37 - 38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An, Phường Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

PHÚ QUỐC

Số 28, Tờ bản đồ số 40, Ấp Cây thông ngoài, Xã Cửa Dương, TP. Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang



CÔNG TY CỔ PHẦN DAIKIN AIR CONDITIONING (VIETNAM)

VĂN PHÒNG CHÍNH

Tầng 12, tòa nhà Nam Á, 201-203 Cách Mạng Tháng 8, P.4, Q.3, TP. Hồ Chí Minh, Tel: (028) 62 504 888

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 12, tòa nhà Ocean Park Tower, 1 Đào Duy Anh, Q. Đống Đa, Hà Nội
Tel: (024) 3565 7677

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 7 lô 8A đường Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (0225) 383 2900

CHI NHÁNH NGHỆ AN

Tầng 2, Tòa nhà Golden City, 25 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Lê Mao, TP Vinh
Tel: (0238) 872 7785

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 12, tòa nhà PVcomBank, Lô A2.1, Đường 30/4, P. Hòa Cường Bắc, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Tel: (0236) 362 4250

CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

Tầng 8, tòa nhà VCN, Số 2 Tổ Hữu, Khu đô thị VCN, P. Phước Hải, TP. Nha Trang
Tel: (0258) 625 8158

CHI NHÁNH CẦN THƠ

37-38 Võ Nguyên Giáp, Khu dân cư Phú An, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
Tel: (0292) 626 9977

